

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/HS - ST

Ngày: 31-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Ngọc Điệp.

2/ Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 208/2020/TLST-HS ngày 31/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2020/QĐXXST – HS ngày 17/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thị Ngọc Đ**, sinh ngày 17/4/1978, tại Quảng Nam. Nơi ĐKKHKT: Đường NH, phường a, thành phố V, tỉnh V1. Tạm trú: khu phố x, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không. Con ông Võ N (chết) và bà Nguyễn Thị C; Chồng: Trần Văn C1, có 03 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993, cư trú tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương là bạn quen biết nhau. Trong quá trình quen biết, Đ hỏi mượn chị T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) đồng thì chị T ra điều kiện Đ phải đưa cho chị T giữ bản phô tô sao y chứng thực của cơ quan nhà nước giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đ. Ngày 19/8/2019, chị T đưa cho Đ mượn số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng trước và Đ đưa cho chị T 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx ngày 01/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ để nhờ chị T đem đến Ủy ban nhân dân phường sao y chứng thực để khi chị T chứng thực xong thì trả lại các giấy tờ trên cho

Đ và đưa cho Đ mượn tiếp số tiền 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng còn lại. Ngày 20/8/2019, chị T đem 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx tên Võ Thị Ngọc Đ đến Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M để chứng thực bản sao từ bản chính thì anh Trần Văn L, sinh năm 1983 là cán bộ phòng tiếp dân phát hiện các giấy tờ trên có dấu hiệu làm giả nên anh L báo Công an phường P đến để xử lý. Sau đó, Công an phường P mời chị T đem theo các giấy tờ trên về trụ sở Công an phường Phú Cường làm việc thì chị T khai nhận các giấy tờ trên chị T đem đi sao y chứng thực giùm cho Võ Thị Ngọc Đ nên Công an phường P lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx tên Võ Thị Ngọc Đ và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình xác minh, điều tra, Võ Thị Ngọc Đ khai nhận: Khoảng năm 2018, Đ có mua một căn nhà địa chỉ tại phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương để sinh sống cùng với các con của Đ nên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx mang tên Võ Thị Ngọc Đ. Đầu năm 2019, trên đường đi đến thành phố Hồ Chí Minh, Đ làm rơi mất túi xách trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu. Sau đó, Đ lên mạng xã hội tìm dịch vụ làm lại giấy tờ đã mất thì gặp người nam tên V (không xác định rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng và sổ hộ khẩu với số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng thì Đ đồng ý. Sau khi làm xong hai giấy tờ gồm 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ và 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx tên Võ Thị Ngọc Đ thì người nam tên V đưa các giấy tờ trên cho Đ và Đ trả số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng cho V. Ngày 20/8/2019, Đ nhờ chị T đem các giấy tờ trên đến Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M để sao y chứng thực thì bị phát hiện như trên.

Ngày 24/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định trưng cầu giám định số 582/QĐGD-CQĐT-KT gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx tên Võ Thị Ngọc Đ.

Ngày 11/10/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương có Bản kết luận giám định số 387/GĐ-PC09 kết luận:

1. Phôi “sổ hộ khẩu” số 080324xxx, họ và tên chủ hộ Võ Thị Ngọc Đ, nơi thường trú phường MP, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đề ngày 28 tháng 5 năm 2018 (ký hiệu A1) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

2. Phôi và hình dấu tròn có nội dung “*CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM* TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CN 143xxx mang tên Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú thành phố V, tỉnh V1, đề ngày 01 tháng 11 năm 2018 (ký hiệu A2) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Đối với 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx tên Võ Thị Ngọc Đ, quá trình điều tra xác định: Các giấy tờ trên là vật chứng của vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Ngọc Đ, quá trình điều tra xác định: Giấy chứng minh nhân dân trên là giấy tờ tùy thân của Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản trả lại cho Võ Thị Ngọc Đ.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, quá trình xác minh, điều tra chị T khai nhận không biết 01 (một) Sổ hộ khẩu số 080324xxx có tên chủ hộ là Võ Thị Ngọc Đ, 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 143xxx tên Võ Thị Ngọc Đ mà Đ nhờ chị T sao y công chứng là giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý. Đối với số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng chị T cho Đ mượn thì Đ đã trả lại cho T và chị T không có yêu cầu gì với Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý hành vi chiếm đoạt tiền của Đ.

Đối với người nam tên V là người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu giả cho Đ do quá trình xác minh, điều tra không xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không có căn cứ để xác minh, điều tra xử lý.

Cáo trạng số 221/CT-VKS-HS ngày 30/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Võ Thị Ngọc Đ về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc Đ mức hình phạt tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 20/8/2019, Võ Thị

Ngọc Đ có hành vi giao 01 (một) sổ hộ khẩu, 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đều là giấy tờ giả) mang tên Võ Thị Ngọc Đ cho Nguyễn Thị Thanh T để mang đi chứng thực nhằm sử dụng vào mục đích cá nhân. Do vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động của các Cơ quan nhà nước trong việc cấp hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân bị cáo không có khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nếu cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Do vậy, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân tốt, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 như đề nghị của Viện kiểm sát khi quyết định hình phạt. Ngoài ra, xét thấy cần có biện pháp răn đe chung trong xã hội về hành vi sử dụng tài liệu giả, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Võ Thị Ngọc Đ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc Đ 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (31/8/2020).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

3/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo